

Số: 59 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định Quản lý hoạt động sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ về ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 161/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức chi cho hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 47/TTr-SKHCN ngày 09 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể của tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX (55b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ng
Nguyễn Thị Hoàng



QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 59 /2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh.

1. Quy định này quy định chi tiết về thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến; quản lý và hỗ trợ thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến (sau đây gọi tắt là Điều lệ Sáng kiến) và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư 18/2013/TT-BKHCN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

2. “Cơ sở” có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến, bao gồm:

a) Pháp nhân, tức là tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 84 của Bộ luật Dân sự, cụ thể là:

- Được thành lập hợp pháp;
- Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;
- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;
- Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

b) Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập (ví dụ như: hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư, ...).

c) Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên (ví dụ: các chi nhánh của doanh nghiệp, các trung tâm trực thuộc tổ chức, ...) và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ (ví dụ như quy định trong quy chế về hoạt động sáng kiến ở tổ chức).

Điều 4. Tác giả, đồng tác giả sáng kiến

1. Cách xác định tác giả, đồng tác giả sáng kiến

a) Tác giả, đồng tác giả sáng kiến đứng tên nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải là những người trực tiếp cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình;

b) Những người chỉ tham gia giúp việc, hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến;

c) Trường hợp sáng kiến đã được tham gia các cuộc thi, hội thi, hội diễn và đã được ban tổ chức cấp giấy chứng nhận đoạt giải hoặc giấy chứng nhận dự thi trong đó ghi rõ thông tin về tác giả, đồng tác giả thì chỉ xem xét ghi nhận những người này là tác giả, đồng tác giả sáng kiến.

2. Trường hợp sáng kiến được tạo ra bởi nhiều người mà số lượng đồng tác giả vượt quá 03 người thì thực hiện việc tách đơn theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

3. Trường hợp sáng kiến có đồng tác giả và số lượng đồng tác giả không vượt quá 03 người thì các đồng tác giả phải có bản giải trình nêu rõ nội dung công việc từng người tham gia tạo ra sáng kiến nộp kèm theo đơn yêu cầu công nhận sáng kiến. Báo cáo giải trình của đồng tác giả có thể làm theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Trường hợp sáng kiến có đồng tác giả nhưng có một hoặc một số đồng tác giả không đồng ý nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến thì áp dụng phương pháp tách đơn theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

5. Cơ sở tiếp nhận đơn phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh những người khai nhận là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến; trường hợp kết quả

kiểm tra, xác minh cho thấy có đủ cơ sở kết luận những người đứng tên nộp đơn không đúng đối tượng là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì cơ sở có quyền từ chối chấp nhận đơn.

Điều 5. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến khi có yêu cầu công nhận của cá nhân thuộc cơ sở mình quản lý;

2. Việc xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

3. Việc xét công nhận sáng kiến; xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 08 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ.

4. Sáng kiến đề nghị được xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cấp cao hơn thì phải được công nhận và đề nghị của cấp dưới.

5. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước: việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước: việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận;

Chương II
YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN
VÀ TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Mục 1

YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 6. Thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến có thể yêu cầu công nhận sáng kiến qua Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (theo Phụ lục I kèm theo Thông tư 18/2013/TT-BKHCN) tại cơ sở sau:

a) Tại cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến hoặc nơi áp dụng sáng kiến lần đầu;

b) Tại cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên.

2. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

Điều 7. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong các cơ sở sau đây:

a) Cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Là cơ quan, tổ chức đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến;

b) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Các cơ sở quy định tại Khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Mục 2

TRÌNH BÀY ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 8. Thể thức Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến thống nhất áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trước khi cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến ra thông báo từ chối chấp nhận đơn hợp lệ, thông báo từ chối công nhận sáng kiến hoặc quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến, tác giả sáng kiến có thể chủ động hoặc theo yêu cầu của cơ sở đó sửa đổi, bổ sung đơn.

2. Việc sửa đổi, bổ sung không được làm thay đổi bản chất của giải pháp nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến ban đầu. Nếu việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm thay đổi bản chất sáng kiến thì tác giả phải nộp đơn mới và mọi thủ tục được tiến hành lại từ đầu.

3. Việc sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do tác giả chủ động thực hiện hoặc theo yêu cầu của cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn và phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ nội dung sửa đổi, bổ sung.

Điều 10. Bộc lộ công khai giải pháp trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trước khi nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, tác giả (đồng tác giả) không bộc lộ công khai giải pháp nêu trong đơn; đồng thời khuyến cáo các tổ chức, cá nhân tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan không bộc lộ công khai giải pháp để đảm bảo tính mới theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Việc bộc lộ công khai giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến được thể hiện bằng việc mô tả nội dung giải pháp đó trong các văn bản, sách, tác phẩm báo chí, tài liệu kỹ thuật, tài liệu phục vụ cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ dưới bất kỳ hình thức nào có thể tiếp cận công khai đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được.

3. Trừ các thông tin cần giữ bí mật theo yêu cầu của tác giả (đồng tác giả) sáng kiến, sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ, cơ sở xét công nhận sáng kiến tự quyết định việc công bố công khai giải pháp theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 3

XỬ LÝ ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 11. Tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm xem xét hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, hỗ trợ tác giả sáng kiến hoàn thiện hồ sơ và tiếp nhận vào Sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và gửi lại người nộp Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến (theo Phụ lục II kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN) nếu người yêu cầu công nhận sáng kiến đề nghị.

2. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét hồ sơ và thực hiện các nội dung sau:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của hồ sơ để điều chỉnh, bổ sung.

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận hoặc từ chối đơn.

Điều 12. Đánh giá đối tượng nêu trong đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Mục 4

TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 13. Thời hạn và hình thức xét công nhận sáng kiến

1. Thời hạn xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP. Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ và giải pháp nêu trong đơn đã hoặc đang được áp dụng; trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả được biết về việc này.

2. Người đứng đầu cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến quyết định hình thức xét công nhận sáng kiến tại cơ sở theo một trong hai hình thức sau:

a) Người đứng đầu cơ sở tự đánh giá quyết định công nhận sáng kiến;

b) Người đứng đầu cơ sở thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ cho người đứng đầu cơ sở quyết định việc công nhận sáng kiến.

Điều 14. Hội đồng sáng kiến

1. Trong trường hợp thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ cho người đứng đầu cơ sở quyết định việc công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Thành lập Hội đồng sáng kiến:

a) Khi thành lập Hội đồng sáng kiến, người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến phải ban hành văn bản dưới dạng Quyết định.

b) Thành phần Hội đồng sáng kiến gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến; người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể ủy quyền Chủ tịch Hội đồng cho cấp phó của người đứng đầu cơ sở hoặc người có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực áp dụng sáng kiến;

- Phó Chủ tịch Hội đồng ;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có);
 - 01 Ủy viên thư ký là người được giao phụ trách hoạt động sáng kiến ở cơ sở;
 - Các Ủy viên còn lại gồm các chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực áp dụng sáng kiến và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.
- c) Số lượng các thành viên Hội đồng do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến quyết định.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến:

- a) Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến; lập Biên bản họp Hội đồng sáng kiến phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên Hội đồng, kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu của Hội đồng.
- b) Thực hiện đúng các quy định về giữ bí mật, lưu giữ hồ sơ, công bố thông tin liên quan đến sáng kiến.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến:

- a) Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên Hội đồng độc lập biểu quyết hoặc cho điểm vào Phiếu đánh giá sáng kiến. Phiên họp của Hội đồng phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng và có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng.
- b) Giải pháp được công nhận là sáng kiến phải đạt ít nhất 2/3 ý kiến của các thành viên Hội đồng đồng ý (biểu quyết đồng ý hoặc số phiếu đạt) và được ghi vào Biên bản họp Hội đồng.

5. Hội đồng Sáng kiến được sử dụng con dấu của cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến/Quyết định công nhận sáng kiến

1. Công nhận sáng kiến: Người đứng đầu cơ sở cấp Giấy chứng nhận sáng kiến/Quyết định công nhận sáng kiến hoặc căn cứ kết quả của Hội đồng sáng kiến (trong trường hợp thành lập Hội đồng sáng kiến) cấp Giấy chứng nhận sáng kiến/Quyết định công nhận sáng kiến (*theo Phụ lục III kèm theo Thông tư 18/2013/TT-BKHCN*).

2. Giấy chứng nhận sáng kiến/Quyết định công nhận sáng kiến:

- a) Giấy chứng nhận sáng kiến/Quyết định công nhận sáng kiến có giá trị làm bằng chứng về việc sáng kiến được cơ sở công nhận theo Điều lệ Sáng kiến.
- b) Giấy chứng nhận sáng kiến/Quyết định công nhận sáng kiến được cấp cho tác giả/nhóm tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trong trường hợp tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến).

3. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến: Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Người đứng đầu cơ sở có thẩm quyền công nhận sáng kiến có quyền quyết định hủy bỏ việc công nhận sáng kiến đã cấp và thông báo cho tác giả sáng kiến trong các trường hợp sau đây:

a) Người nộp đơn đề nghị công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ Sáng kiến.

b) Đối tượng được công nhận là sáng kiến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến hoặc việc áp dụng, chuyển giao đối tượng đó xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Điều 16. Xét công nhận sáng kiến cho tác giả (đồng tác giả) là người đứng đầu cơ sở

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN. Cụ thể như sau:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước: việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước: việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận;

2. Trường hợp sáng kiến được tạo ra không sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của Nhà nước và người đứng đầu cơ sở cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả (đồng tác giả) sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được đánh giá thông qua Hội đồng sáng kiến của cơ sở đó; Hội đồng sáng kiến được hoạt động đảm bảo nguyên tắc tác giả (đồng tác giả) sáng kiến không được tham gia là thành viên hội đồng.

Chương III

XÉT CÔNG NHẬN

PHẠM VI ẢNH HƯỞNG VÀ HIỆU QUẢ ÁP DỤNG CỦA SÁNG KIẾN

Điều 17. Thẩm quyền xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi tắt là cấp huyện và tương đương) có thẩm quyền xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cơ quan, địa

phương đang quản lý để giải quyết các yêu cầu liên quan đến sáng kiến thuộc thẩm quyền hoặc để thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc để giải quyết các yêu cầu liên quan đến sáng kiến thuộc thẩm quyền hoặc để thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc.

3. Trường hợp sáng kiến đã được công nhận bởi các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về biên chế, tổ chức thì việc xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến do cơ quan cấp trên của các cơ quan, đơn vị đó xem xét đánh giá, trừ trường hợp các cơ quan, đơn vị của tỉnh có thẩm quyền giải quyết vụ việc liên quan đến sáng kiến đó.

Điều 18. Thủ tục xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh và trên địa bàn cấp huyện

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cơ quan, địa phương thành lập Hội đồng công nhận sáng kiến ở cơ quan, địa phương đang quản lý để xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến có yêu cầu.

Hội đồng công nhận sáng kiến cấp huyện và tương đương gồm có Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, các ủy viên Hội đồng, Ủy viên thư ký và những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ quan, địa phương xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến.

2. Sáng kiến được xem xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến cấp huyện và tương đương khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN theo hướng dẫn tại Điều 15 của Quy định này, trong đó tính mới của sáng kiến được xem xét đối chiếu với nội dung các giải pháp có cùng bản chất thể hiện ở tất cả các nguồn tài liệu mà Hội đồng công nhận sáng kiến ở cấp huyện và tương đương có thể tiếp cận được;

b) Sáng kiến đã được Hội đồng công nhận sáng kiến của đơn vị trực thuộc cơ quan, địa phương công nhận sáng kiến;

c) Sáng kiến đã được phổ biến, áp dụng hoặc có khả năng áp dụng rộng rãi trong toàn cơ quan, ngành hoặc địa phương;

d) Sáng kiến có hiệu quả áp dụng ở cơ quan, địa phương là tiêu biểu, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

3. Tác giả (đồng tác giả) có nhu cầu đề nghị xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến cấp huyện và tương đương phải được cơ sở quy định tại Điều 7 Quy định này chấp thuận và gửi hồ sơ về đơn vị thường trực Hội đồng Sáng kiến cấp huyện và tương đương. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của thủ trưởng cơ sở gửi Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến ở cơ quan, địa phương;

b) Quyết định công nhận sáng kiến/Giấy chứng nhận sáng kiến do thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 7 Quy định này cấp;

c) Báo cáo nội dung chi tiết của tác giả về kết quả của sáng kiến đã được nhân rộng hoặc có khả năng nhân rộng trong phạm vi cơ sở và có hiệu quả cao, có xác nhận của lãnh đạo đơn vị trực thuộc cơ sở nơi quản lý tác giả (*theo mẫu tại phụ lục kèm theo Quy định này*);

d) Các tài liệu kèm theo: Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; Biên bản họp Hội đồng Sáng kiến; các tài liệu có liên quan minh chứng các đơn vị đã sử dụng kết quả của sáng kiến (có xác nhận của lãnh đạo đơn vị đã sử dụng kết quả); Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên toàn huyện hoặc tương đương từ kết quả xét công nhận của Hội đồng công nhận sáng kiến cấp huyện và tương đương; Thông báo kết quả xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên toàn huyện hoặc tương đương cho các cá nhân, đơn vị trực thuộc.

Điều 19. Thủ tục xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trong phạm vi tỉnh và toàn quốc

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai để thực hiện nhiệm vụ xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trong phạm vi tỉnh và toàn quốc.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ tịch Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh, xét và công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trong phạm vi tỉnh và toàn quốc.

2. Thành phần Hội đồng công nhận sáng kiến cấp tỉnh gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Các Ủy viên gồm: Lãnh đạo Sở Nội vụ; Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh; lãnh đạo các sở ngành có liên quan, chuyên gia liên quan đến sáng kiến.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Lãnh đạo đơn vị được phân công công tác quản lý sáng kiến thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai là Sở Khoa học và Công nghệ, có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai để phân công cho Tổ Thư ký tổng hợp, phân loại, xem xét, đánh giá sơ bộ;

b) Tham mưu, tổ chức họp Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai;

c) Tham mưu tổ chức các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Được sử dụng con dấu của cơ quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Sáng kiến được xem xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN theo hướng dẫn tại Điều 15 của Quy định này;

b) Sáng kiến đã được cơ sở công nhận bằng văn bản;

c) Sáng kiến đã được nhân rộng hoặc có khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh, ngành và có hiệu quả cao;

5. Trường hợp đề nghị Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai xem xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trong phạm vi toàn quốc, thì ngoài việc đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, tác giả (đồng tác giả) phải chứng minh được sáng kiến đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Sáng kiến đã được nhân rộng hoặc có khả năng nhân rộng trên toàn quốc và có hiệu quả cao.

b) Có khả năng áp dụng rộng rãi cho nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác trên phạm vi toàn quốc.

6. Hồ sơ đề nghị Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai xem xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trong phạm vi toàn tỉnh, toàn quốc theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được cấp có thẩm quyền quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này chấp thuận và gửi hồ sơ về cơ quan thường trực Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh Đồng Nai (Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai). Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên toàn tỉnh/toàn quốc của thủ trưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến phạm vi cơ quan, địa phương;

c) Báo cáo chi tiết của tác giả về kết quả của sáng kiến đã được nhân rộng hoặc có khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh/toàn quốc và có hiệu quả cao.

d) Các tài liệu kèm theo: Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; Biên bản họp Hội đồng sáng kiến; Biên bản họp Hội đồng công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến cấp huyện hoặc tương đương; các tài liệu có liên quan minh chứng các đơn vị đã sử dụng kết quả của sáng kiến trong phạm vi toàn quốc (có xác nhận của lãnh đạo đơn vị đã sử dụng kết quả); Các tài liệu chứng minh hiệu quả, phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi của sáng kiến (nếu có).

7. Chủ tịch Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh có trách nhiệm xem xét quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên toàn tỉnh/toàn quốc; Thông báo kết quả xét công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên toàn tỉnh/toàn quốc cho các cơ quan, địa phương.

Điều 20. Huỷ bỏ kết quả công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến

1. Cấp có thẩm quyền công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến có quyền xem xét huỷ bỏ kết quả đã công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến của mình;

2. Việc xem xét huỷ bỏ kết quả công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến áp dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 15 Quy định này và các quy định hiện hành.

Chương IV

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN VÀ CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các Sở, ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định, cụ thể như sau:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật về hoạt động sáng kiến phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị công nhận sáng kiến;

c) Xem xét và giải quyết các khiếu nại về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

d) Xem xét, quyết định chấp thuận các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất, kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hoạt động sáng kiến cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động sáng kiến cho các tổ chức, cán bộ làm công tác quản lý hoạt động sáng kiến thuộc các ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sáng kiến của địa phương, đơn vị.

e) Chủ trì, phối hợp thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc phạm vi quản lý. Xử lý, đề xuất xử lý các hành vi xâm phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến.

g) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và các tổ chức có liên quan tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

h) Tổng hợp thông tin áp dụng sáng kiến, theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh; Định kỳ hàng năm, tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, doanh nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Trách nhiệm của các sở, ban ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, doanh nghiệp.

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, các sở, ban ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động sáng kiến.

b) Kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh các biện pháp để triển khai việc thi hành các cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động sáng kiến và lập kế hoạch, tổ chức thực hiện để phát triển hoạt động sáng kiến.

c) Hằng năm lập dự toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động sáng kiến của cơ sở, gửi cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo định kỳ hàng năm (trước 20 tháng 12) cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh) về tình hình hoạt động sáng kiến của đơn vị.

3. Sở Tài chính tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định dự toán, phân bổ kinh phí và thanh toán, quyết toán kinh phí chi cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

Điều 22. Nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, các doanh nghiệp, trường học tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo:

a) Tổ chức các Chương trình, Hội thi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sáng kiến, sáng tạo trong mọi lĩnh vực đời sống; triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến, sáng tạo khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình, biểu dương các sáng kiến được áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội;

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến (trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo,...); phổ biến, tuyên truyền, giới thiệu các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua lao động sáng tạo;

2. Thủ trưởng cơ quan có sáng kiến được công nhận có các biện pháp khuyến khích tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến;

b) Ưu tiên xem xét hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyển giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm,...), hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng;

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội;

c) Công bố, phổ biến, áp dụng các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo quy định của pháp luật hoặc mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 23. Trả thù lao và khen thưởng cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Đối với các sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật;

c) Được tổ chức, cơ quan nhà nước xem xét hỗ trợ triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu; được giới thiệu, phổ biến môi giới chuyển giao sáng kiến;

d) Trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

đ) Việc áp dụng chuyển giao sáng kiến không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

2. Quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến/Quyết định công nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến giới thiệu; Được xét đặc cách công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến cấp cơ sở phục vụ công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Được nhận thù lao theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Được áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Cung cấp đầy đủ các thông tin về sáng kiến đến mức có thể áp dụng được cho cơ sở công nhận sáng kiến;

e) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu;

g) Giữ bí mật thông tin về sáng kiến theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật;

h) Trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Quyền và nghĩa vụ của người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu:

a) Được nhận tiền thù lao, tiền thưởng theo quy định.

b) Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực cho tổ chức đánh giá sáng kiến và công nhận sáng kiến;

c) Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Chi phí cho hoạt động sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh từ các nguồn: ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được áp dụng theo Điều 2 của Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

2. Nội dung và mức chi cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 161/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức chi cho hoạt động sáng kiến, sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Điều 25. Sử dụng kết quả xét công nhận sáng kiến và kết quả đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến

1. Giấy chứng nhận sáng kiến do cơ sở có thẩm quyền cấp có giá trị làm bằng chứng về việc sáng kiến đã được một cơ sở công nhận và chứng minh quyền tác giả đối với sáng kiến đó.

2. Mỗi vụ việc cần đến tiêu chí sáng kiến để giải quyết thì tác giả (đồng tác giả) chỉ được sử dụng kết quả công nhận sáng kiến, kết quả công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến đó một lần.

3. Việc sử dụng kết quả công nhận sáng kiến, công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trong công tác xét thi đua, khen thưởng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức phải đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều này và các quy định cụ thể sau đây:

a) Sáng kiến được Chủ tịch Hội đồng công nhận sáng kiến tỉnh công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh hoặc toàn quốc theo quy định tại Điều 22 có giá trị sử dụng để làm cơ sở xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” hoặc “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” và một số danh hiệu cấp cao theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng;

b) Sáng kiến được Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến cấp huyện và tương đương theo quy định tại Điều 21 có giá trị sử dụng để làm cơ sở xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” hoặc các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng;

c) Sáng kiến được thủ trưởng cơ sở quy định tại Điều 7 của Quy định này công nhận có giá trị sử dụng để làm cơ sở xét, đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của thủ trưởng cơ sở đó theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và quy định về phân cấp quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Hàng năm, thủ trưởng cơ sở có trách nhiệm tổ chức đánh giá hiệu quả áp dụng của các sáng kiến đã được công nhận để làm cơ sở xem xét giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác xét thi đua, khen thưởng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Tại thời điểm giải quyết các vụ việc liên quan đến công tác xét thi đua, khen thưởng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức mà pháp luật có quy định khác với quy định tại Điều này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 26. Quản lý hồ sơ sáng kiến

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ sở xét công nhận sáng kiến; cơ quan thường trực Hội đồng công nhận sáng kiến cấp huyện và cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lưu giữ hồ sơ sáng kiến theo quy định của pháp luật về lưu trữ để phục vụ việc khai thác, áp dụng sáng kiến và công việc có liên quan đến hoạt động sáng kiến.

2. Trong quá trình tổ chức lưu trữ các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và các tài liệu kèm theo (nếu có), các cơ quan và đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này phải giữ bí mật thông tin cần được bảo mật theo yêu cầu của tác giả sáng kiến.

Điều 27. Quy định chuyển tiếp và điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp quản lý phát huy tính chủ động sáng tạo, có nhiều sáng kiến mới đạt hiệu quả cao.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 59 /2021 /QĐ-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Kết quả của sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng cấp cơ sở
(toàn tỉnh/toàn quốc)**

Kính gửi:

- Hội đồng công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến cơ sở (cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có thẩm quyền công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở).

- Hội đồng công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến tỉnh Đồng Nai (trường hợp tác giả sáng kiến có yêu cầu công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng phạm vi tỉnh/toàn quốc).

1. Tên sáng kiến:

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:

3. Số Quyết định công nhận sáng kiến .../QĐ... do Hội đồng công nhận sáng kiến đơn vị ... (đơn vị có pháp nhân quản lý tác giả) ngày ký .../.../.....

Số Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng phạm vi cơ sở của sáng kiến cơ sở do Hội đồng công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng phạm vi cơ sở (trường hợp sáng kiến có yêu cầu công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng phạm vi tỉnh/toàn quốc).

4. Thông tin tác giả:

- Họ và tên:.....Nam (nữ) - Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:..... - Điện thoại:.....Email...
- Chức vụ, đơn vị công tác:.....
- Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến: ...%

Đồng tác giả 1 (nếu có)

- Họ và tên:.....Nam (nữ) - Năm sinh :
- Trình độ chuyên môn:..... - Điện thoại:.....Email...
- Chức vụ, đơn vị công tác:.....
- Tỷ lệ đóng góp tạo ra sáng kiến: ...%

(Trường hợp có đồng tác giả thì phải có ghi rõ tỷ lệ đóng góp lao động sáng tạo cho sáng kiến và có ký tên xác nhận của từng người trong danh sách đồng tác giả).

5. Trình bày kết quả của sáng kiến đã được triển khai nhân rộng (hoặc có khả năng nhân rộng), có hiệu quả cao (hoặc có khả năng đạt được) trong phạm vi yêu cầu công nhận (cơ sở/tỉnh/toàn quốc).

Trình bày chi tiết kết quả của sáng kiến đã được triển khai nhân rộng (hoặc có khả năng nhân rộng), có hiệu quả cao (hoặc có khả năng đạt được) trong phạm vi yêu cầu công nhận, kết quả cụ thể tại cơ quan, đơn vị, địa phương, ... kèm theo là các tài

liệu chứng minh các cơ quan, đơn vị, địa phương, ... đã áp dụng sáng kiến (có xác nhận của thủ trưởng đơn vị áp dụng sáng kiến).

5.1 Về hiệu quả đạt được của sáng kiến

a) Hiệu quả kinh tế:

+ Đánh giá hiệu quả kinh tế của sáng kiến thông qua số tiền làm lợi sau khi áp dụng sáng kiến (đối với các giải pháp có đầu tư kinh phí hoặc xác định được chi phí).

+ Đánh giá hiệu quả kinh tế có thể đạt được của sáng kiến khi áp dụng với quy mô lớn hơn (ngành, đơn vị, toàn tỉnh, toàn quốc).

b) Hiệu quả xã hội:

+ Đánh giá hiệu quả xã hội của việc áp dụng sáng kiến: Là những tác động từ việc áp dụng sáng kiến đến việc tăng năng suất, hiệu quả công tác, nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người, cộng đồng, tạo ra hướng mới cho tương lai...

+ Đánh giá hiệu quả xã hội có thể đạt được của sáng kiến khi áp dụng với quy mô lớn hơn (ngành, đơn vị, toàn tỉnh, toàn quốc)

5.2 Về khả năng nhân rộng của sáng kiến/đề tài NCKH:

- Sáng kiến đã được áp dụng/hoặc áp dụng thử ở phạm vi cơ sở? Đã nhân rộng ở quy mô đơn vị? trong toàn ngành? trong toàn tỉnh/toàn quốc?

- Cung cấp tài liệu minh chứng về khả năng nhân rộng của sáng kiến (có xác nhận của thủ trưởng đơn vị đã ứng dụng sáng kiến).

6. Cam kết không sao chép hoặc vi phạm bản quyền sáng kiến/đề tài NCKH, thông tin nêu theo báo cáo này là sự thật.

7. Các tài liệu kèm theo:

Đồng Nai, ngày...tháng...năm.....

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)